

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày tháng 10 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 1044/QĐ-BTTTT ngày 07/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 428-NQ/BCSD ngày 22/9/2022 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh về thúc đẩy hoạt động kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh;*

*Theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 82/TTr-STTTT ngày 20/10/2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**Điều 2.** Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu/chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch trên đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (t/h);
- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh (Ô. Hưng);
- CVP;
- Lưu: VT, Huyện, Nhung.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đăng Bình**

**KẾ HOẠCH****Triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số  
đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

(Kèm theo Quyết định số                     /QĐ-UBND ngày /10/2023 của UBND tỉnh)

**I. MỤC TIÊU****1. Mục tiêu chung**

1.1. Phát triển kinh tế số và xã hội số với trọng tâm là xây dựng các nền tảng số dùng chung, thống nhất trong từng ngành, lĩnh vực để góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực; đẩy mạnh việc ứng dụng, triển khai các giải pháp công nghệ số và dữ liệu số trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.2. Tận dụng tối đa các nền tảng số quốc gia sẵn có của các Bộ, ngành để tạo hạ tầng nền tảng, đồng bộ, tạo hệ sinh thái chuyển đổi số nhanh và hiệu quả, phát huy được sức mạnh tổng thể, tránh việc triển khai phân tán, rời rạc, sử dụng trùng lặp, nhiều giải pháp khác nhau.

1.3. Phát huy sự sáng tạo của người dân trong xã hội số; đặt người dân, doanh nghiệp vào vị trí trung tâm, hướng tới xây dựng chính quyền kiến tạo phục vụ, mang lại tiện ích, hiệu quả cao nhất cho người dân và doanh nghiệp. Qua đó góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp và chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn tỉnh.

**2. Mục tiêu cụ thể****2.1. Phát triển kinh tế số:****a) Mục tiêu đến năm 2025:**

- Phần đầu kinh tế số chiếm từ 15% - 20% GRDP của tỉnh.
- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.
- Phần đầu năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 7%.
- Tỷ lệ hộ gia đình có cửa hàng số cho người mua và người bán giao dịch trên nền tảng thương mại điện tử đạt trên 50%.
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ của tỉnh đạt trên 10%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 80%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 2%.

**b) Mục tiêu cơ bản đến năm 2030:**

- Phần đầu kinh tế số chiếm từ 25% - 30% GRDP của tỉnh.
- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.
- Phần đầu năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 7,5%.
- Tỷ lệ hộ gia đình có cửa hàng số trên nền tảng thương mại điện tử trên 80%.
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 20%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt 100%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 70%.
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 3%.

## 2.2. Phát triển xã hội số:

### a) Mục tiêu cơ bản đến năm 2025:

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 95%.
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 30%.
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%;
- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 80%.
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 30%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%.
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 90%.
- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 80%.
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 80%.
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.
- 100% người dân và doanh nghiệp được trợ lý ảo hỗ trợ thực hiện thủ tục hành chính, sử dụng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.
- 100% các trường học có ứng dụng công nghệ số trong công tác dạy học và hoạt động quản lý.
- 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện kết nối với bệnh viện tuyến trên phục vụ khám chữa bệnh qua nền tảng công nghệ số.
- Tỷ lệ hộ gia đình có địa chỉ số đạt 100%.

b) Mục tiêu cơ bản đến năm 2030:

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 95%.
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt trên 95%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%.
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%.
- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 100%.
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 50%.
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 100%.
- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 100%.
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G.
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 100%.

## II. NỘI DUNG

### 1. Phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số

#### 1.1. Thể chế:

1.1.1. Nhiệm vụ: Đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách của tỉnh đối với từng ngành, lĩnh vực phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số. Trong đó chú trọng xây dựng các chính sách để nâng tỷ lệ hoạt động trực tuyến chiếm tối thiểu 50% các hoạt động trong mỗi cơ quan, đơn vị, tổ chức, ngành, lĩnh vực.

1.1.2. Đơn vị chủ trì tổng hợp tham mưu: Sở Thông tin và Truyền thông.

1.1.3. Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố.

#### 1.2. Hạ tầng số:

##### 1.2.1. Nhiệm vụ:

- Lộ trình hóa và thông minh hóa các lĩnh vực hạ tầng thiết yếu phục vụ kinh tế số và xã hội số gồm: Hạ tầng bưu chính; hạ tầng giao thông; hạ tầng cung cấp điện; hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu; hạ tầng đô thị; hạ tầng thương mại, công nghiệp và năng lượng; hạ tầng giáo dục và đào tạo; hạ tầng khoa học và công nghệ; hạ tầng y tế; hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch...

- Đẩy mạnh phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân; phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả các thôn, tổ, khu vực dân sinh trên địa bàn tỉnh; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung

lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng chất lượng ở các vùng trắng, vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng.

- Phát triển nền tảng địa chỉ số, bản đồ số tạo hạ tầng mềm phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Tạo điều kiện về cơ sở hạ tầng (địa điểm, điện lưới,...) để các doanh nghiệp viễn thông phủ sóng các vùng lõm; đưa cáp quang tới các thôn bản, đáp ứng nhu cầu của các hộ gia đình.

1.2.2. Đơn vị chủ trì tham mưu: Sở Thông tin và Truyền thông.

1.2.3. Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp viễn thông - CNTT.

### **1.3. Nền tảng số:**

1.3.1. Nhiệm vụ:

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) đảm bảo thông suốt, đúng quy định của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng các nền tảng số quốc gia, đồng thời phổ biến rộng rãi các nền tảng số quốc gia để các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp biết, sử dụng.

1.3.2. Đơn vị chủ trì tham mưu: Sở Thông tin và Truyền thông.

1.3.3. Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp viễn thông - CNTT.

### **1.4. Dữ liệu số:**

1.4.1. Nhiệm vụ:

- Thực hiện tốt công tác truyền thông, định hướng cho các cơ quan, đơn vị, địa phương, người dân và doanh nghiệp về lợi ích của dữ liệu, kết nối dữ liệu.

- Tập trung phát triển dữ liệu, nhân lực dữ liệu trong các lĩnh vực trọng điểm như: Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp, Xây dựng, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; bảo đảm dữ liệu được tạo lập tuân thủ theo định dạng máy đọc được, sẵn sàng chia sẻ, khai thác, sử dụng một cách dễ dàng.

- Rà soát các CSDL, xây dựng và công bố các dịch vụ chia sẻ dữ liệu; phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông để triển khai kết nối, đưa lên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia để tạo điều kiện cho các cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng, tránh đầu tư trùng lặp, gây lãng phí.

- Tổ chức rà soát các dự án đã, đang và sẽ đầu tư về công nghệ thông tin, Chuyển đổi số theo hướng kết nối, sử dụng lại dữ liệu đã có trong các CSDLQG, HTTT quốc gia như: CSDLQG về dân cư, CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp, CSDLQG về bảo hiểm... bảo đảm sự thống nhất về dữ liệu, tránh chồng chéo, gây lãng phí.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực vào hoàn thiện dữ liệu trong các dự án công nghệ thông tin, chuyển đổi số để làm giàu tài nguyên dữ liệu.

- Xây dựng và triển khai Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung của tỉnh, kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu để tập hợp tài nguyên dữ liệu trong ngành, lĩnh vực, địa phương phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

1.4.2. Đơn vị chủ trì tổng hợp tham mưu: Sở Thông tin và Truyền thông.

1.4.3. Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố.

### **1.5. An toàn thông tin mạng và an ninh mạng:**

#### 1.5.1. Nhiệm vụ:

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030; đảm bảo yêu cầu an toàn thông tin mạng mặc định ngay từ khâu thiết kế, xây dựng khi phát triển các hạ tầng số, nền tảng số của tỉnh; tuân thủ nghiêm nguyên tắc hệ thống chưa kết luận bảo đảm an toàn, an ninh mạng chưa đưa vào sử dụng và nguyên tắc hệ thống thử nghiệm, có dữ liệu thật thì phải tuân thủ đầy đủ quy định như hệ thống chính thức.

- Hoàn thành phân loại, xác định, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ cho tất cả các HTTT, CSDL chuyên ngành, CSDLQG cần kết nối, chia sẻ với các CSDLQG.

- Ưu tiên nguồn lực, đầu tư, mua sắm trang thiết bị, giải pháp về an toàn thông tin cho các HTTT, CSDL đang vận hành cần kết nối, chia sẻ với các CSDLQG nhằm đáp ứng đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Triển khai phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản giúp người dân phòng, tránh và tự bảo vệ mình trước những nguy cơ, rủi ro và sự cố mất an toàn thông tin mạng.

- Triển khai dịch vụ an toàn thông tin mạng chuyên nghiệp giúp tổ chức, doanh nghiệp thực hiện mô hình bảo vệ 04 lớp.

- Triển khai ký số từ xa theo hướng ưu tiên phổ cập việc sử dụng chữ ký số cá nhân cho người dân một cách đơn giản, thuận tiện, an toàn và có giá sử dụng chữ ký phù hợp thu nhập của người dân.

- Bảo đảm, xác thực thông tin trên nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, kết nối để phục vụ việc xác nhận mức độ bảo đảm, xác thực của danh tính số của người dân.

- Đẩy mạnh công tác phòng, chống tội phạm công nghệ cao trong các hoạt động kinh tế - xã hội.

1.5.2. Đơn vị chủ trì tham mưu: Sở Thông tin và Truyền thông; Công an tỉnh.

1.5.3. Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp viễn thông - CNTT.

### **1.6. Nhân lực số:**

1.6.1. Nhiệm vụ:

- Triển khai phát triển nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số, đẩy mạnh thực hiện Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Triển khai đồng bộ các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, bảo đảm đạt được hiệu quả truyền thông cho từng nhóm đối tượng; tổ chức Chương trình Ngày Chuyển đổi số quốc gia và Ngày chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn hàng năm đảm bảo hiệu quả, thiết thực.

- Đa dạng hoá, phát huy hiệu quả các hình thức nâng cao nhận thức, hướng dẫn người dân sử dụng, khai thác các dịch vụ số (triển khai các Tổ công nghệ số cộng đồng; tập huấn thông qua các nền tảng số trực tuyến mở đại trà,...).

- Ứng dụng và sử dụng hiệu quả các nền tảng số, dịch vụ số phục vụ thiết thực cuộc sống người dân (trước hết về y tế, giáo dục, giải trí, giao thông vận tải, môi trường,...).

- Triển khai: Chương trình “*Học từ làm việc thực tế*”; Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục tiểu học và phổ thông; nền tảng quản lý học tập quốc gia trên địa bàn tỉnh.

- Thiết lập thư viện số, tài nguyên giáo dục mở; mở chuyên ngành đào tạo về chuyển đổi số.

1.6.2. Đơn vị chủ trì tham mưu/Thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Giáo dục và Đào tạo; Trường Cao đẳng Bắc Kạn.

1.6.3. Đơn vị phối hợp thực hiện: Các sở, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố.

### **1.7. Kỹ năng số, công dân số và văn hóa số:**

1.7.1. Nhiệm vụ:

- Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin và chuyên trách chuyển đổi số, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, thành viên các tổ công nghệ số cộng đồng, doanh nghiệp, hộ kinh doanh thông qua nền tảng học trực tuyến mở (MOOC) và các nền tảng liên quan khác theo định hướng của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Nghiên cứu, đào tạo kỹ năng số đạt chuẩn cho sinh viên, học sinh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông và cao đẳng.

- Triển khai các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số rộng khắp hướng tới mỗi người dân từ 15 tuổi trở lên đều có danh tính số, tài khoản số và

được đào tạo, tập huấn về kỹ năng số; đẩy mạnh triển khai các chương trình hỗ trợ, phổ cập kết nối số cho người dân.

- Tổ chức triển khai các chương trình phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp Nhân dân; tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ số mà trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet.

- Hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian số. Phát triển nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân, tạo kênh độc lập thu thập, tổng hợp ý kiến phản ánh, đánh giá của người dân liên quan đến mọi vấn đề đời sống kinh tế, xã hội.

- Tuyên truyền, khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị IoT để quan trắc, giám sát phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

1.7.2. Đơn vị chủ trì tham mưu/Thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

1.7.3. Đơn vị phối hợp thực hiện: Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố.

### **1.8. Doanh nghiệp số:**

1.8.1. Nhiệm vụ:

- Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp, HTX về phát triển doanh nghiệp công nghệ số; khảo sát, thu thập các doanh nghiệp có nhu cầu chuyển đổi số và các nền tảng số phục vụ nhu cầu chuyển đổi số của doanh nghiệp từ đó hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng các nền tảng số.

- Xây dựng chính sách/chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số; xây dựng các tài liệu đào tạo, hướng dẫn chuyển đổi số; triển khai các khóa đào tạo, tập huấn về kỹ năng số, chuyển đổi số cho doanh nghiệp, HTX.

- Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai Đề án xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Triển khai các Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát và logistic chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các cơ sở, cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các hộ sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể chuyển đổi số, kinh doanh trên sàn thương mại điện tử. Hỗ trợ, thúc đẩy phát triển nền tảng quản trị tổng thể, nền tảng kế toán dịch vụ, nền tảng tối ưu hóa chuỗi cung ứng, nền tảng thương mại số nông nghiệp.

- Phối hợp tổ chức Diễn đàn về phát triển doanh nghiệp công nghệ số tại tỉnh, đồng thời kêu gọi các doanh nghiệp công nghệ số trong và ngoài tỉnh tham gia hoạt động xúc tiến doanh nghiệp công nghệ số đầu tư vào tỉnh.

1.8.2. Đơn vị chủ trì tham mưu/Thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Kế hoạch và Đầu tư.



1.8.3. Đơn vị phối hợp thực hiện: Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp.

### **1.9. Thanh toán số:**

1.9.1. Nhiệm vụ: Tiếp tục chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 296/KH-UBND ngày 10/5/2022 về hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025 và Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

1.9.2. Đơn vị chủ trì/phối hợp thực hiện: Ngân hàng Nhà nước Bắc Kạn, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Thông tin và Truyền thông.

## **2. Phát triển kinh tế số và xã hội số ngành, lĩnh vực**

### **2.1. Lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn:**

2.1.1. Nhiệm vụ:

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 297/KH-UBND ngày 10/5/2023 của UBND tỉnh về thực hiện chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế số, xã hội số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn để chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế số nông nghiệp; xây dựng nền tảng dữ liệu số nông nghiệp phục vụ nhu cầu của người nông dân.

- Triển khai các mô hình ứng dụng công nghệ số như công nghệ tưới nhỏ giọt, tưới phun mưa, camera giám sát và thiết bị cảm biến tự động kết nối điện thoại thông minh...

- Tổ chức triển khai nền tảng số kết nối người nông dân với chuyên gia nông nghiệp để thu thập, dán nhãn dữ liệu theo hình thức đóng góp của cộng đồng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ phân tích, phát hiện sớm bệnh dịch cho cây trồng, vật nuôi để có phương án xử lý kịp thời.

- Tổ chức triển khai nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản cho phép kiểm tra nguồn gốc, xuất xứ, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng của nông sản.

- Xây dựng xã chuyên đổi số gắn kết phát triển thương mại điện tử với Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm.

- Tổ chức triển khai phổ cập kỹ năng số cho nông dân; tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, hỗ trợ nông dân chuyển đổi số trong quá trình tổ chức sản xuất nông nghiệp và tham gia vào phát triển kinh tế số, xã hội số; tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn kỹ năng số cho người nông dân thông qua các nền tảng số, đào tạo trực tuyến, liên tục phát triển kỹ năng và tri thức số cho người nông dân, ưu tiên

nhóm kỹ năng về sử dụng, khai thác các sản phẩm giao dịch điện tử, thanh toán điện tử, nhận biết, phòng ngừa lừa đảo trên mạng.

2.1.2. Đơn vị chủ trì tham mưu/Thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2.1.3. Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thành phố.

## **2.2. Lĩnh vực y tế:**

### 2.2.1. Nhiệm vụ:

- Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực y tế; thúc đẩy các doanh nghiệp trong lĩnh vực y tế, các cơ sở khám chữa bệnh trong ngành y tế tăng cường ứng dụng chuyển đổi số trong công tác quản trị cũng như cung cấp dịch vụ y tế, tăng cường trải nghiệm, nâng cao tiện ích cho người dân, doanh nghiệp và cán bộ y tế.

- Tập trung đẩy nhanh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin từ quản lý bệnh viện, giám định bảo hiểm y tế, bệnh án điện tử tới chẩn đoán, xét nghiệm, khám bệnh, chữa bệnh từ xa; triển khai đơn thuốc điện tử, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt...

- Triển khai các nền tảng: Quản lý xét nghiệm, quản lý tiêm chủng, quản lý thông tin y tế cơ sở, quản lý trạm y tế xã; hồ sơ sức khỏe điện tử; hỗ trợ tư vấn sức khỏe trực tuyến, kết nối người dân với bác sĩ tư vấn/chuyên gia trong lĩnh vực y tế; an toàn thực phẩm và quản lý môi trường y tế theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

2.2.2. Đơn vị chủ trì tham mưu/Thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2.2.3. Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông cùng các đơn vị liên quan.

## **2.3. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo:**

### 2.3.1. Nhiệm vụ:

- Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; triển khai nền tảng dạy học trực tuyến toàn trình cho công tác giảng dạy - học tập - thi cử cho học sinh, sinh viên, giáo viên.

- Tìm kiếm và ứng dụng sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp công nghệ giáo dục vào giảng dạy; triển khai thí điểm các sản phẩm, ứng dụng dịch vụ mới đột phá, hỗ trợ đào tạo nhanh, hiệu quả.

- Tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về giáo dục và đào tạo số tại các cơ sở đào tạo tại trường cao đẳng.

2.3.2. Đơn vị chủ trì tham mưu/Thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo; Trường Cao đẳng Bắc Kạn.

2.3.3. Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông cùng các đơn vị liên quan.

## **2.4. Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, lao động, việc làm và an sinh xã hội:**

### 2.4.1. Nhiệm vụ:

- Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, lao động, việc làm và an sinh xã hội; triển khai Nền tảng dữ liệu số về lao động, việc làm và an sinh xã hội; thúc đẩy, khuyến khích các hình thức giao dịch điện tử, chứng chỉ chứng nhận điện tử, chi trả an sinh xã hội trực tuyến hoặc trực tiếp tới đối tượng thụ hưởng.

- Tổ chức triển khai số lao động điện tử cho người lao động.

2.4.2. Đơn vị chủ trì tham mưu/Thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.4.3. Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thành phố cùng các đơn vị liên quan.

## **2.5. Lĩnh vực thương mại, công nghiệp và năng lượng:**

2.5.1. Nhiệm vụ:

- Xây dựng Kế hoạch phát triển thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử; Xây dựng cơ chế điều phối hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp; các mô hình dự án chuyển đổi số có tính đại diện và khả thi, qua đó dẫn dắt phong trào chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp sản xuất.

- Triển khai nền tảng số kết nối doanh nghiệp sản xuất với các chuyên gia công nghệ và các nhà cung cấp giải pháp chuyên nghiệp để hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số.

- Hỗ trợ người dân đưa sản phẩm dịch vụ của mình lên các sàn thương mại điện tử; đào tạo kỹ năng số cho đồng bào dân tộc thiểu số, trao cơ hội tiếp cận với thương mại điện tử nhằm xóa đói giảm nghèo, thu hẹp chênh lệch về thu nhập.

- Triển khai hoạt động chống hàng gian, hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng trong các giao dịch thương mại điện tử trực tuyến.

- Tăng cường liên kết kinh doanh theo mô hình hợp tác tiên tiến giữa các doanh nghiệp sản xuất với đối tác trong nước và nước ngoài để tạo ra các giá trị mới, chia sẻ mạng lưới dịch vụ và tài nguyên dữ liệu, thông tin.

2.5.2. Đơn vị chủ trì tham mưu/Thực hiện: Sở Công Thương.

2.5.3. Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thành phố cùng các đơn vị liên quan.

## **2.6. Lĩnh vực du lịch:**

2.6.1. Nhiệm vụ:

- Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực du lịch; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 30/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án tổng thể ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực du lịch giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2025”.

- Triển khai và ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng số, mạng xã hội trong hoạt động tham quan, du lịch.

- Triển khai Nền tảng dữ liệu số du lịch; nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch; phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh; ứng dụng công nghệ số để kết nối nhằm hỗ trợ và tăng trải nghiệm cho khách du lịch; mở rộng năng lực cung cấp dịch vụ kết hợp giữa kênh thực và kênh số; sử dụng tối đa các giao dịch điện tử trong hoạt động du lịch.

- Triển khai Nền tảng mô hình hóa đa chiều phục vụ phát triển bảo tàng số, du lịch số.

2.6.2. Đơn vị chủ trì tham mưu/Thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2.6.3. Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thành phố cùng các đơn vị liên quan.

## **2.7. Lĩnh vực tài nguyên và Môi trường:**

2.7.1. Nhiệm vụ:

- Thực hiện việc quản lý, điều hành cơ bản trên phương thức, quy trình, mô hình của công nghệ số và kết quả phân tích, xử lý dữ liệu số; áp dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao theo Chương trình chuyển đổi số tài nguyên và môi trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế số, xã hội số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; tạo lập, xây dựng dữ liệu đất đai, bản đồ số và hệ thống quan trắc môi trường bằng thiết bị IoT; lập các CSDL để sẵn sàng kết nối với các ngành khác.

- Nghiên cứu triển khai các nền tảng thu nhận dữ liệu camera cho các lĩnh vực ưu tiên, quan trọng như đất đai, khí tượng thủy văn, môi trường... phục vụ công tác quản lý nhà nước, nhu cầu của xã hội.

- Thực hiện việc tích hợp, kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu ngành với cơ sở dữ liệu dân cư, cơ sở dữ liệu đất đai, cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và các cơ sở dữ liệu khác theo quy định.

2.7.2. Đơn vị chủ trì tham mưu/Thực hiện: Sở Tài Nguyên và Môi trường.

2.7.3. Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thành phố cùng các đơn vị liên quan.

## **2.8. Lĩnh vực giao thông vận tải:**

- Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 2269/QĐ-BGTVT ngày 08/12/2020 của Bộ Giao thông vận tải về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số Bộ Giao thông vận tải đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; xây dựng cơ sở hạ tầng dữ liệu của ngành giao thông vận tải; thực hiện chuyển đổi số các doanh nghiệp lớn hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải để thay đổi phương thức cung cấp sản phẩm dịch vụ từ truyền thống sang phương thức số; triển khai thanh toán không dùng tiền mặt, thu phí không dừng; triển khai giải pháp bãi đỗ xe thông minh.

- Triển khai các nền tảng số theo định hướng chỉ đạo của Bộ Giao thông vận tải như: Nền tảng nhận diện, kiểm soát phương tiện tự động; nền tảng giám sát, điều hành giao thông thông minh; nền tảng số quản lý phương tiện và người điều

kiến phương tiện; nền tảng số quản lý dữ liệu không gian về kết cấu hạ tầng giao thông; nền tảng số mô hình thông tin xây dựng (BIM); nền tảng số cho các dịch vụ vận tải và logistics...

### **III. KINH PHÍ**

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này chi từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Trên cơ sở Kế hoạch này, hằng năm Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương xây dựng Kế hoạch chi tiết, cụ thể để triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại mục 1 phần II đảm bảo phù hợp với yêu cầu, điều kiện thực tế và định hướng chỉ đạo của Bộ ngành Trung ương. Đồng thời chủ động phối hợp, tư vấn, hướng dẫn các Sở, ngành (được giao nhiệm vụ chủ trì tại mục 2 phần II) xây dựng Kế hoạch và lộ trình triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế số và xã hội số ngành, lĩnh vực.

- Chủ động ban hành văn bản hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật và thực hiện nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế số và xã hội số được giao theo quy định.

- Định kỳ trước ngày 15/12 hàng năm, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông và UBND tỉnh theo quy định.

#### **2. Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố**

- Các Sở, ngành (*được giao nhiệm vụ chủ trì tại mục 2 phần II*) có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch, lộ trình triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế số và xã hội số ngành, lĩnh vực; đồng thời phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai các nhiệm vụ liên quan khác khi được đơn vị đề nghị.

- Đối với các ngành lĩnh vực khác (*không nằm trong danh mục các ngành, lĩnh vực tại mục 2 phần II Kế hoạch này*): Các đơn vị, địa phương tập trung phát triển kinh tế số và xã hội số trong từng ngành, lĩnh vực theo hướng thiết lập môi trường phù hợp cho đổi mới sáng tạo, tăng cường sự chỉ đạo chiến lược và khai thác linh hoạt nguồn lực tài chính cho hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số, hình thành hệ sinh thái kinh tế số, xã hội số ngành, lĩnh vực.

- Định kỳ trước ngày 30/11 hàng năm, báo cáo kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp thành báo cáo chung theo quy định.

#### **3. Các doanh nghiệp Bưu chính, Viễn thông - Công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh**

- Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông - công nghệ thông tin ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng số, hạ tầng bưu chính rộng khắp đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế số, xã hội số. Đồng thời, cùng với Nhà nước tham gia đào tạo, hướng dẫn người dân sử dụng các kỹ năng số.

- Các doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm tiên phong chuyển đổi số, phát triển các nền tảng số quốc gia, nền tảng số ngành; chuyển đổi thành các doanh nghiệp công nghệ số, hình thành hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ số xung quanh mảng kinh doanh lõi.

- Các doanh nghiệp công nghệ số chủ động phát triển các nền tảng số, tham gia Chương trình phát triển nền tảng số quốc gia, giải quyết các vấn đề về phát triển kinh tế số, xã hội số; xây dựng hệ sinh thái nội dung hấp dẫn, lành mạnh để tạo thói quen trực tuyến cho người dân.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh mới hoặc khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) để xem xét, giải quyết./.

---